

BỘ Y TẾ  
**ĐẠI HỌC Y DƯỢC**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 916/ĐATS-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2024

## **ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024**

### **I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)**

**1. Tên trường:** Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Mã trường:** YDS.

**3. Địa chỉ các trụ sở:**

*Địa chỉ trụ sở chính:* 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

*Địa chỉ 7 khoa:*

- Khoa Y : 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Khoa Răng Hàm Mặt : 652 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Khoa Y học cổ truyền : 221B Hoàng Văn Thụ, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
- Khoa Dược : 41 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.
- Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học: 201 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, TP.HCM.
- Khoa Y tế công cộng : 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.HCM.
- Khoa Khoa học cơ bản : 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường:** <https://ump.edu.vn>

**5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường (có thông tin tuyển sinh)**

<https://www.facebook.com/ump.edu.vn>

<http://www.facebook.com/tuvantuyensinh.ump>

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 028.39526076 – 028.38567645

**7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp:

<https://ump.edu.vn/gioi-thieu/dam-bao-chat-luong>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp:

<b>Lĩnh vực /Ngành đào tạo</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển sinh</b>	<b>Số SV trúng tuyển nhập học</b>	<b>Số SV tốt nghiệp</b>	<b>Tỷ lệ % SV tốt nghiệp đã có việc làm</b>
<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>	<b>Đại học</b>				
Y khoa		400	404	371	96.0
Y học dự phòng		120	105	81	84.0
Y học cổ truyền		200	217	144	83.7
Dược học		560	591	353	78.1

Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ % SV tốt nghiệp đã có việc làm
Điều dưỡng		330	345	329	96.6
Hộ sinh		120	90	-	-
Dinh dưỡng		80	82	58	84.5
Răng - Hàm - Mặt		120	118	98	63.3
Kỹ thuật phục hình răng		40	43	33	90.9
Kỹ thuật xét nghiệm y học		165	185	106	91.5
Kỹ thuật hình ảnh y học		90	101	69	89.7
Kỹ thuật phục hồi chức năng		88	99	70	77.1
Y tế công cộng		90	34	35	97.1
<b>Tổng</b>		<b>2403</b>	<b>2414</b>	<b>1747</b>	<b>87.3</b>

## 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://tinyurl.com/Deantuyensinhdaihocnam2022>

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh/5200/de-an-tuyen-sinh-nam-2023>

### 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.
- Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
- Xét tuyển thẳng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh.
- Dự bị đại học.

### 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Năm tuyển sinh 2022				Năm tuyển sinh 2023			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00
<b>Lĩnh vực sức khỏe</b>								
Y khoa	280	276	27.55	-	260	268	27.34	-
Y khoa (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	120	128	26.6	-	140	146	27.1	-
Y học dự phòng	84	100	21.0	-	78	119	22.65	22.65
Y học dự phòng (kết hợp sơ	36	02	23.35	-	42	02	23.45	23.45

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Năm tuyển sinh 2022				Năm tuyển sinh 2023			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00
tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)								
Y học cổ truyền	140	207	24.2	-	130	177	24.54	-
Y học cổ truyền (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	60	10	22.5	-	70	19	23.5	-
Dược học	392	478	25.5	25.5	364	368	25.5	25.5
Dược học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	168	113	23.85	23.85	196	186	24.0	24.0
Điều dưỡng	147	208	20.3	-	137	208	23.15	23.15
Điều dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	63	05	20.3	-	73	06	21.6	21.6
Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	120	132	23.25	-	78	111	23.88	23.88
Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	42	09	21.95	21.95
Hộ sinh	120	90	19.05	-	78	128	21.35	21.35
Hộ sinh (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	42	01	23.0	23.0
Dinh dưỡng	56	79	20.35	-	52	70	23.4	23.4
Dinh dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	24	03	20.95	-	28	09	21.45	21.45
Răng - Hàm - Mặt	84	83	27.0	-	78	77	26.96	-
Răng - Hàm - Mặt (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	36	35	26.25	-	42	45	26.75	-
Kỹ thuật phục hình răng	28	42	24.3	-	26	37	24.54	24.54
Kỹ thuật phục hình răng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	12	01	23.45	-	14	04	22.55	22.55
Kỹ thuật xét nghiệm y học	165	185	24.5	-	108	141	24.59	24.59
Kỹ thuật xét nghiệm y học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	57	22	23.2	23.2
Kỹ thuật hình ảnh y học	90	101	23.0	-	59	87	23.85	23.85
Kỹ thuật hình ảnh y học (kết	-	-	-	-	31	05	22.05	22.05

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Năm tuyển sinh 2022				Năm tuyển sinh 2023			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00
hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)								
Kỹ thuật phục hồi chức năng	88	99	20.6	-	58	91	23.35	23.35
Kỹ thuật phục hồi chức năng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	30	02	23.33	23.33
Y tế công cộng	63	33	19.1	-	59	85	19.0	19.0
Y tế công cộng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	27	01	22.25	-	31	00	19.0	19.0
<b>Tổng</b>	<b>2403</b>	<b>2411</b>			<b>2403</b>	<b>2423</b>		

### 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Y khoa	7720101	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2023
2	Y học dự phòng	7720110	801/QĐ-BGDĐT	22/02/2008	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2008	2023
3	Y học cổ truyền	7720115	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1987	2023
4	Dược học	7720201	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2023
5	Hóa dược	7720203	1342/QĐ-BGDĐT	08/05/2024			Bộ GDĐT	2024	2024
6	Điều dưỡng	7720301	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1996	2023
7	Hộ sinh	7720302	1242/QĐ-BGDĐT	09/04/2021			Bộ GDĐT	2021	2023
8	Dinh dưỡng	7720401	2157/QĐ-BGDĐT	26/06/2017	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2018	2023
9	Răng - Hàm - Mặt	7720501	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2023
10	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2002	2023
11	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1996	2023
12	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2000	2023
13	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2000	2023
14	Y tế công cộng	7720701	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1999	2023

## **10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (Phụ lục 1)**

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://tinyurl.com/DieukienDambaohatluong2024>

**11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường:**

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh/6859/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2024>

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/thong-bao/6859/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2024>

<https://ump.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-bao/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2024/6859>

**12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường trên trang thông tin điện tử của trường:**

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh/6761/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024>

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/thong-bao/6761/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024>

<https://ump.edu.vn/tin-tuc-su-kien/tin-tuc/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2024/6761>

## II. Tuyển sinh đào tạo đại học hệ chính quy

### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

#### a) Đối tượng dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

#### b) Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh quy định.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

### 2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh cả nước

### 3. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường xét tuyển theo 05 phương thức:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế;
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi SAT (*Scholastic Aptitude Test*)
- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học năm 2024;
- Phương thức 5: Dự bị đại học.

Nhà trường **không sử dụng** điểm thi được bảo lưu từ Kỳ thi tốt nghiệp THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổng hợp môn xét tuyển 1		Tổng hợp môn xét tuyển 2	
							Tổng hợp môn	Môn chính	Tổng hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7720101	Y khoa	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	228	B00	-	-	-
2.	Đại học	7720101	Y khoa (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	168	B00	-	-	-
3.	Đại học	7720101	Y khoa	402	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi SAT <sup>(3)</sup>	20				
4.	Đại học	7720101	Y khoa	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	04				
5.	Đại học	7720110	Y học dự phòng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	70	B00	-	A00	-
6.	Đại học	7720110	Y học dự phòng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	48	B00	-	A00	-
7.	Đại học	7720110	Y học dự phòng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
8.	Đại học	7720110	Y học dự phòng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
9.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	123	B00	-	-	-



Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
10.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	84	B00	-	-	-
11.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02				
12.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
13.	Đại học	7720201	Dược học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	329	B00	-	A00	-
14.	Đại học	7720201	Dược học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	224	B00	-	A00	-
15.	Đại học	7720201	Dược học	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	06				
16.	Đại học	7720201	Dược học	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
17.	Đại học	7720203	Hóa dược	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	35	B00	-	A00	-
18.	Đại học	7720203	Hóa dược (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	24	B00	-	A00	-
19.	Đại học	7720203	Hóa dược	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
20.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	122	B00	-	A00	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
21.	Đại học	7720301	Điều dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	84	B00	-	A00	-
22.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02				
23.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
24.	Đại học	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	69	B00	-	A00	-
25.	Đại học	7720301	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	48	B00	-	A00	-
26.	Đại học	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
27.	Đại học	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
28.	Đại học	7720302	Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	69	B00	-	A00	-
29.	Đại học	7720302	Hộ sinh (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	48	B00	-	A00	-
30.	Đại học	7720302	Hộ sinh	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
31.	Đại học	7720302	Hộ sinh	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
32.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	46	B00	-	A00	-
33.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	32	B00	-	A00	-
34.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
35.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
36.	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	69	B00	-	-	-
37.	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	50	B00	-	-	-
38.	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	402	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi SAT <sup>(3)</sup>	06				
39.	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
40.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	21	B00	-	A00	-
41.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	16	B00	-	A00	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
42.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
43.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
44.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	98	B00	-	A00	-
45.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	68	B00	-	A00	-
46.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02				
47.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
48.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	51	B00	-	A00	-
49.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	36	B00	-	A00	-
50.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
51.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
52.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	58	B00	-	A00	-
53.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	40	B00	-	A00	-
54.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
55.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
56.	Đại học	7720701	Y tế công cộng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT <sup>(1)</sup>	52	B00	-	A00	-
57.	Đại học	7720701	Y tế công cộng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	409	Kết hợp sơ tuyển CCTA <sup>(2)</sup>	36	B00	-	A00	-
58.	Đại học	7720701	Y tế công cộng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
59.	Đại học	7720701	Y tế công cộng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
			<b>Tổng cộng</b>			<b>2.516</b>				

- Ghi chú:**
- (1): Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024
- (2): Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
- (3): Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển

### 5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

### 6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

#### 6.1. Thông tin về các ngành dự tuyển

Stt	Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)					Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2	
				Xét tuyển kết quả thi THPT	Kết hợp sơ tuyển CCTA	Xét tuyển kết quả kỳ thi SAT	Tuyển thẳng	Dự bị đại học	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	YDS	7720101	Y khoa	228	168	20	04		B00	-	-	-
2.	YDS	7720110	Y học dự phòng	70	48		01	01	B00	-	A00	-
3.	YDS	7720115	Y học cổ truyền	123	84		02	01	B00	-	-	-
4.	YDS	7720201	Dược học	329	224		06	01	B00	-	A00	-
5.	YDS	7720203	Hóa dược	35	24		01		B00	-	A00	-
6.	YDS	7720301	Điều dưỡng	122	84		02	02	B00	-	A00	-
7.	YDS	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	69	48		01	02	B00	-	A00	-
8.	YDS	7720302	Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	69	48		01	02	B00	-	A00	-
9.	YDS	7720401	Dinh dưỡng	46	32		01	01	B00	-	A00	-
10.	YDS	7720501	Răng - Hàm - Mặt	69	50	06	01		B00	-	-	-
11.	YDS	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	21	16		01	02	B00	-	A00	-
12.	YDS	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	98	68		02	02	B00	-	A00	-
13.	YDS	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	51	36		01	02	B00	-	A00	-
14.	YDS	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	58	40		01	01	B00	-	A00	-

Stt	Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)					Tổng hợp xét tuyển 1		Tổng hợp xét tuyển 2	
				Xét tuyển kết quả thi THPT	Kết hợp sơ tuyển CCTA	Xét tuyển kết quả kỳ thi SAT	Tuyển thẳng	Dự bị đại học	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
15.	YDS	7720701	Y tế công cộng	52	36		01	01	B00	-	A00	-
			<b>Tổng cộng</b>	<b>1440</b>	<b>1006</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>18</b>				

## 6.2. Tổ hợp xét tuyển

- Ngành Y học dự phòng, Dược học, Hóa dược, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Dinh dưỡng, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Y tế công cộng: gồm 2 tổ hợp:

- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học
- Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học

Cả hai tổ hợp được xét tuyển chung với nhau, không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp.

- Các ngành còn lại Y khoa, Y học cổ truyền và Răng - Hàm - Mặt xét tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học.

## 6.3. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trong trường hợp số lượng thí sinh đạt điểm trúng tuyển vượt quá số lượng dự kiến thí sinh nhập học theo chỉ tiêu được phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho từng ngành đào tạo của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh do bằng nhau về điểm xét tuyển, Trường ưu tiên thí sinh có các tiêu chí như sau:

- Thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi SAT, tiêu chí phụ kế tiếp: thí sinh có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học cao hơn.

## 7. Tổ chức tuyển sinh

### 7.1. Đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển từ ngày 18/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2024.

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

Thí sinh đã trúng tuyển sẽ không được tham gia xét tuyển bởi các phương thức tuyển sinh khác.

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 31/7 đến 17 giờ 00 ngày 06/8/2024.

### 7.2. Phương thức xét tuyển

#### 7.2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024

##### a) Điều kiện xét tuyển

Các thí sinh có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học hoặc Toán, Vật lí, Hóa học và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

##### b) Chỉ tiêu

Được xác định của từng ngành, sau khi trừ số học sinh được xét theo phương thức khác (bao gồm số học sinh được xét tuyển thẳng và số học sinh dự bị đại học của các trường Dự bị đại học phân bổ về trường), số thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển kết



hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (phương thức 2), số thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi SAT (phương thức 3) (mục 4).

*7.2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế*

*a) Điều kiện xét tuyển*

Chỉ xét tuyển những thí sinh đã nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và đạt yêu cầu sơ tuyển theo quy định của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

Các thí sinh có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học hoặc Toán, Vật lí, Hóa học và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

Thí sinh nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Đào tạo Đại học - số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) (**trực tiếp** hoặc **chuyển phát nhanh, ưu tiên** qua đường bưu điện) **từ ngày 08/7/2024 đến trước 17g00 ngày 26/7/2024.**

Thí sinh phải gửi sớm và đảm bảo Trường nhận được trước 17g00 ngày 26/7/2024. Trường sẽ không giải quyết đối với hồ sơ đến sau 17g00 ngày 26/7/2024.

Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn từ ngày 08/7/2022 đến ngày 26/7/2024.

Thí sinh đạt **IELTS Academic 6.0** trở lên đủ điều kiện đăng ký xét tuyển vào tất cả các ngành;

Thí sinh đạt **IELTS Academic từ 5.0 đến dưới 6.0** đủ điều kiện đăng ký xét tuyển vào các ngành:

- Hóa dược
- Điều dưỡng
- Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức
- Hộ sinh
- Dinh dưỡng
- Kỹ thuật phục hình răng
- Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Kỹ thuật hình ảnh y học
- Kỹ thuật phục hồi chức năng
- Y tế công cộng

Đơn vị cấp chứng chỉ IELTS:

- British Council (BC);
- International Development Program (IDP)

Nhà trường sẽ kiểm tra chứng chỉ tiếng Anh quốc tế **bản gốc** khi thí sinh nhập học, nếu thí sinh không đảm bảo điều kiện như quy định sẽ bị loại ra khỏi danh sách trúng tuyển.

*b) Chỉ tiêu:* xem chi tiết tại mục 4.

*7.2.3. Nguyên tắc xét tuyển chung của phương thức 1 và 2*

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển B00 hoặc A00 cộng với điểm ưu tiên theo quy định.

**Điểm xét tuyển = tổng điểm các bài thi/môn thi (a) + điểm ưu tiên (b)**

(a) = điểm bài thi Toán + điểm môn thi Sinh học + điểm môn thi Hóa học

**hoặc:**

(a) điểm bài thi Toán + điểm môn thi Vật lí + điểm môn thi Hóa học

(b) Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$$

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số).

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

Điểm trúng tuyển của các thí sinh ở phương thức 2 không được thấp hơn điểm trúng tuyển ở phương thức 1 trong cùng 1 ngành là 2,0 điểm.

Trong trường hợp phương thức 2, phương thức 3, phương thức 4 và phương thức 5 không tuyển đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại của phương thức 2, phương thức 3, phương thức 4 và phương thức 5 sẽ được cộng dồn vào chỉ tiêu của phương thức 1.

Hội đồng tuyển sinh sẽ lập danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển của từng ngành theo thứ tự giảm dần của điểm xét tuyển. Danh sách thí sinh trúng tuyển được chọn theo điểm xét tuyển, tuân tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

#### 7.2.4. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi SAT (*Scholastic Aptitude Test*)

##### a). Điều kiện xét tuyển

- Xét tuyển những thí sinh có kết quả trong kỳ thi SAT đạt điểm từ 1340 trở lên. Thí sinh chỉ chọn 1 kết quả điểm trong số các kỳ thi còn giá trị sử dụng.

- Thời hạn chứng chỉ SAT: từ ngày **08/7/2022** đến ngày **26/7/2024**.

- Trong ngày nộp hồ sơ, thí sinh cung cấp thông tin đăng nhập vào tài khoản của học sinh trên College board để nhà trường kiểm tra:

+ Hình thức nộp hồ sơ: **trực tiếp** tại phòng Đào tạo đại học.

+ Địa điểm: Phòng Đào tạo Đại học – Đại học Y Dược TP. HCM (số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)

+ Thời gian: từ ngày **08/7/2024** đến **trước 17g00 ngày 26/7/2024** (trừ Thứ Bảy và Chủ nhật).

- Điều kiện cần để xét tuyển: thí sinh phải tốt nghiệp THPT và kết quả trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

##### b). Ngành xét tuyển

- Y khoa;

- Răng - Hàm - Mặt.

##### c). Chỉ tiêu: xem chi tiết tại mục 4.

*d). Nguyên tắc xét tuyển*

Điểm xét tuyển: sử dụng điểm SAT để xét tuyển.

Hội đồng tuyển sinh sẽ lập danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển của từng ngành theo thứ tự giảm dần của điểm xét tuyển. Danh sách thí sinh trúng tuyển được chọn theo điểm xét tuyển, tuân tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

*7.2.5. Phương thức 4: Xét tuyển thẳng*

*a) Đối tượng xét tuyển thẳng*

Đối tượng tuyển thẳng vào đại học được xét theo quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học năm 2024 của Trường. Cụ thể như sau:

a1. Thí sinh thuộc diện Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào học đại học một trong tất cả các ngành.

a2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT:

**Môn Sinh học:**

- *Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa hoặc Răng - Hàm - Mặt;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa hoặc Răng - Hàm - Mặt;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng.

**Môn Hóa học:**

- *Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Hóa dược.

**Môn Vật lí:**

- *Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học.

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học

a3. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT có dự án hoặc nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến:

**Lĩnh vực y, sinh học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:**

- *Giải nhất:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng;

- *Giải nhất, nhì, ba:* được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét

nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng.

**Lĩnh vực hóa học, dược học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:**

- *Giải nhất, nhì, ba:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Hóa dược.

Việc xác định nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan và phù hợp với ngành đào tạo do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

*b) Chỉ tiêu tuyển thẳng*

Chỉ tiêu tuyển thẳng của từng ngành được ghi tại mục 4.

*c) Phương án xét tuyển thẳng*

Trong trường hợp số lượng thí sinh nộp vào từng ngành vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh tại mục 4, Nhà trường sẽ xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự các đối tượng từ mục a<sub>1</sub> đến mục a<sub>3</sub> cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo kết quả xét tuyển thẳng cho thí sinh trúng tuyển chậm nhất là ngày 10/7/2024.

Thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống từ ngày 22/7 đến 17 giờ 00 ngày 31/7/2024 (thí sinh đã xác nhận nhập học sẽ không được tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển).

Quá thời hạn trên, thí sinh không xác nhận nhập học theo đúng quy định xem như từ chối nhập học.

Trong trường hợp chưa xác định nhập học, thí sinh có thể tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia như các thí sinh khác để các Cơ sở đào tạo xét tuyển, nếu trúng tuyển thí sinh sẽ xác nhận nhập học theo lịch chung.

*d) Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng*

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng theo đường **chuyển phát nhanh** hoặc **trực tiếp** tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Đào tạo đại học - số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) **chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 30/6/2024.**

Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng vào đại học chính quy tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 (Phụ lục 2);

- Danh sách thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đăng ký tuyển thẳng đại học chính quy năm 2024 (Phụ lục 3);

- Danh sách thí sinh đoạt giải trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đăng ký tuyển thẳng đại học chính quy năm 2024 (Phụ lục 4);

- Danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 (Phụ lục 5);

- Bản sao công chứng các chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia.

**7.2.6. Phương thức 5: Dự bị đại học**

*a) Đối tượng dự bị đại học*

- Là các học sinh dự bị đại học của Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh và Trường Dự bị đại học dân tộc trung ương Nha Trang;

- Các học sinh này thuộc đối tượng và đủ điều kiện tuyển sinh quy định tại Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, được Trường Dự bị đại học phân bổ chỉ tiêu;

- Các học sinh dự bị đại học đáp ứng được điều kiện xét tuyển vào Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

+ Đối tượng xét tuyển là người dân tộc Kinh không vượt quá 5% tổng số chỉ tiêu;

+ Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy năm 2023 theo Thông báo số 1335/TB-ĐHYD ngày 24/7/2023 của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

*b) Chỉ tiêu xét tuyển*

Chỉ tiêu dự bị đại học được ghi tại mục 4.

*c) Phương án xét dự bị đại học*

Căn cứ chỉ tiêu được thống nhất và điều kiện xét tuyển, Trường Dự bị đại học phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành dự bị đại học và gửi hồ sơ về Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. Nhà trường xét duyệt lại hồ sơ và thông báo kết quả học sinh đủ điều kiện trúng tuyển chậm nhất là ngày 10/7/2024.

Học sinh dự bị đại học sau khi đã có kết quả đủ điều kiện trúng tuyển vào Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh phải thực hiện đăng ký xét tuyển đúng nguyện vọng trên Hệ thống hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày 18/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2024.

Học sinh dự bị đại học trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 27/8/2024.

Quá thời hạn trên, học sinh dự bị đại học không xác nhận nhập học theo đúng quy định xem như từ chối nhập học.

*d) Hồ sơ học sinh do Trường Dự bị đại học bàn giao cho Trường, gồm các giấy tờ sau:*

- Hồ sơ nhập học dự bị đại học của học sinh và minh chứng đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định;

- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh hoàn thành dự bị đại học;

- Văn bản phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành dự bị đại học vào Trường;

- Bản sao chứng thực Căn cước công dân;

- Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp THPT;

- Bản sao chứng thực Học bạ THPT;

- Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú.

Thời gian bàn giao hồ sơ: **trước ngày 30/6/2024.**

*7.3. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học*

- Trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 19/8/2024.

- Thí sinh trúng tuyển hoàn thành xác nhận nhập học **trực tuyến** đợt 1 trên Hệ thống chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 27/8/2024.

- Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận.

Thí sinh đã trúng tuyển và xác nhận nhập học tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh thì không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

**8. Ưu tiên xét tuyển:** Trường không có ưu tiên xét tuyển.

**9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:** Theo quy định chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**10. Học phí dự kiến**

TT	Tên ngành	Học phí dự kiến
1	Y khoa	82.200.000 đồng/năm học
2	Y học dự phòng	50.000.000 đồng/năm học
3	Y học cổ truyền	50.000.000 đồng/năm học
4	Dược học	60.500.000 đồng/năm học
5	Hóa dược	50.000.000 đồng/năm học
6	Điều dưỡng	46.000.000 đồng/năm học
7	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	46.000.000 đồng/năm học
8	Hộ sinh	46.000.000 đồng/năm học
9	Dinh dưỡng	46.000.000 đồng/năm học
10	Răng - Hàm - Mặt	84.700.000 đồng/năm học
11	Kỹ thuật phục hình răng	46.000.000 đồng/năm học
12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	46.000.000 đồng/năm học
13	Kỹ thuật hình ảnh y học	46.000.000 đồng/năm học
14	Kỹ thuật phục hồi chức năng	46.000.000 đồng/năm học
15	Y tế công cộng	46.000.000 đồng/năm học

Lộ trình dự kiến tăng học phí tối đa 10% cho từng năm

**11. Tài chính**

11.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 662.361.261.801 đồng.

11.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2023: 34.032.184 đồng.

**CÁN BỘ KÊ KHAI**

Họ tên: Nguyễn Ngọc Khôi  
Số điện thoại: 0903.537.782  
Email: nnkhoi@ump.edu.vn

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Ngô Quốc Đạt**